

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI
(Từ ngày 01 đến 30/4/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong tháng 3, trên sông Thao mực nước có 3 đợt dao động nhỏ, sau biến đổi chậm. Tại trạm Yên Bái và trạm Phú Thọ đã xuất hiện giá trị min nhất trong chuỗi số liệu cùng kỳ.

- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang chủ yếu dao động và ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội có dao động do chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều và ảnh hưởng điều tiết thủy điện tuyến trên.

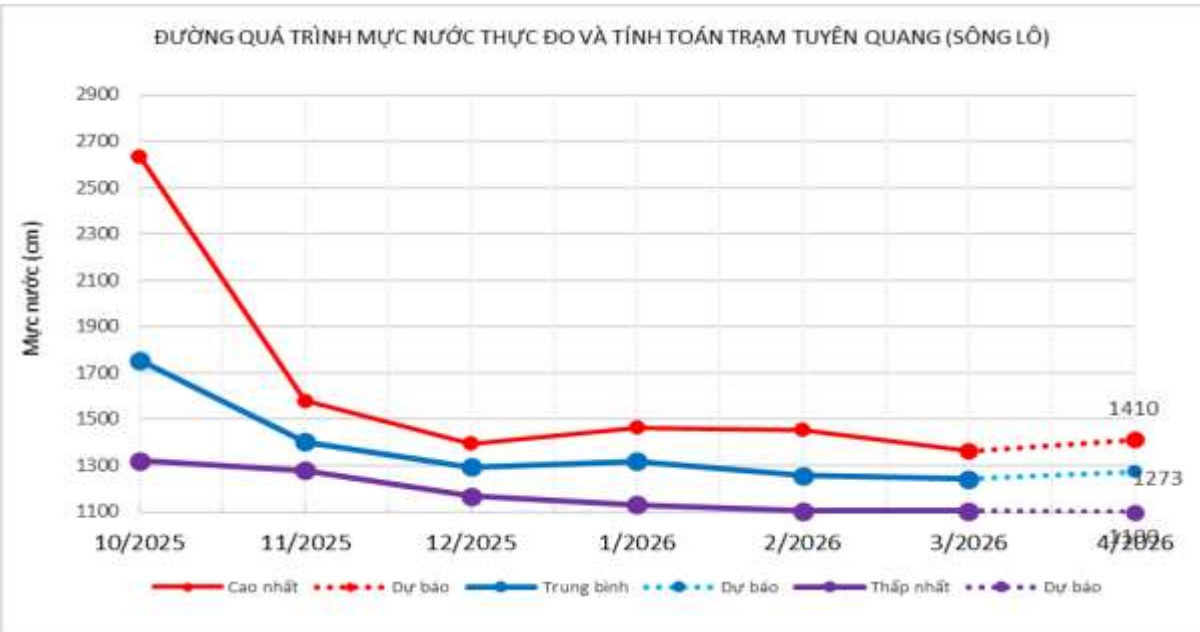
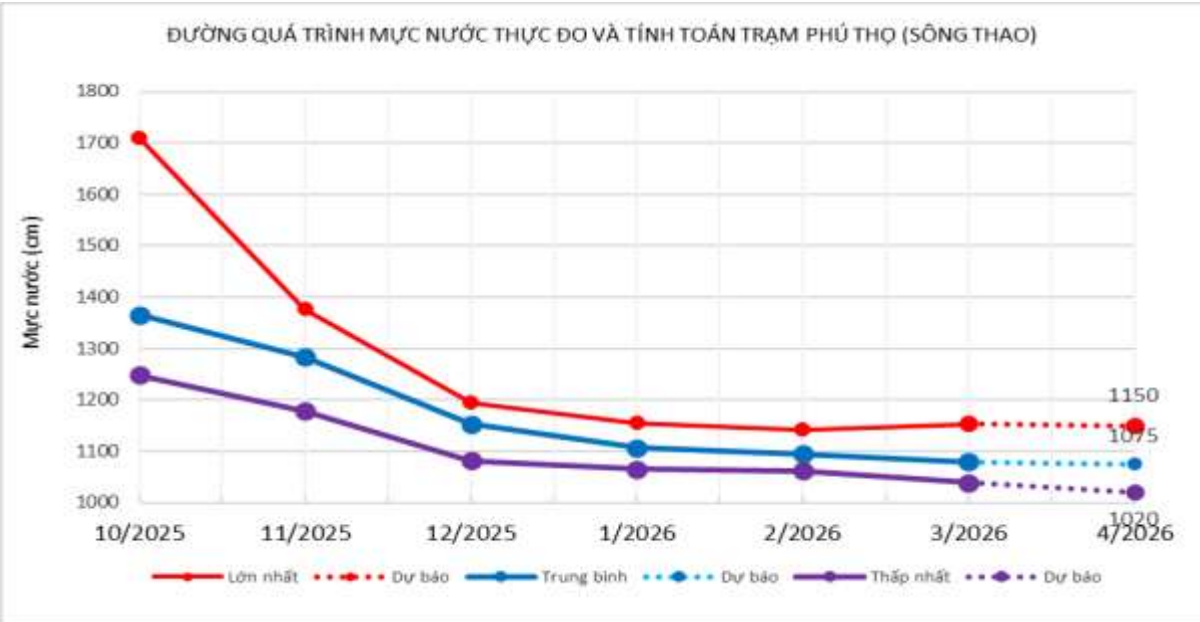
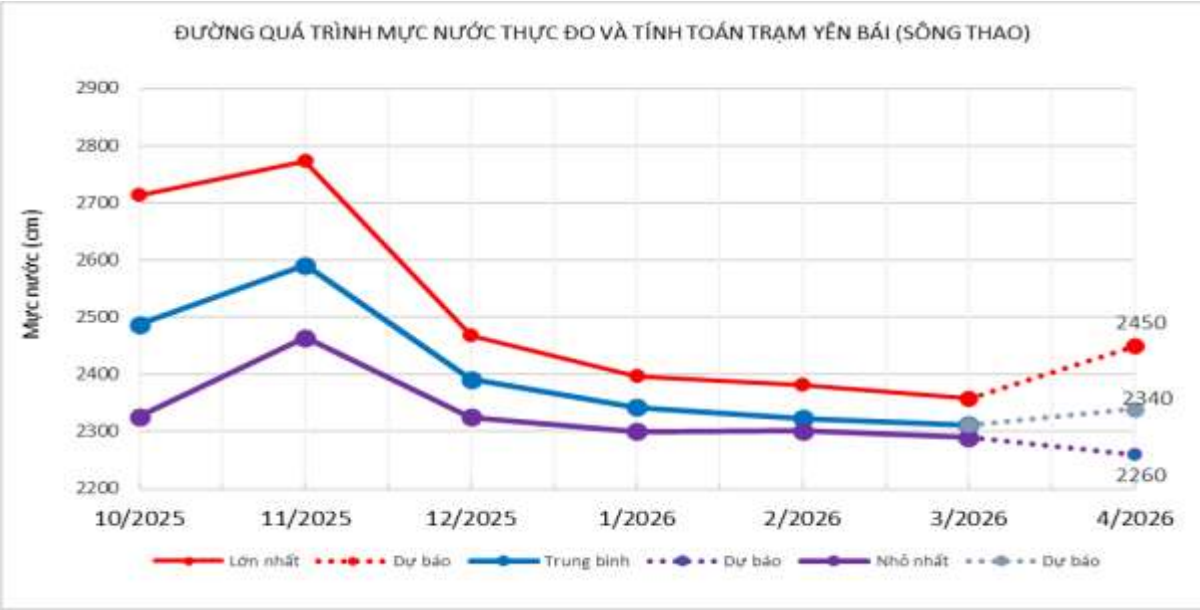
b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong tháng 4, trên sông Thao mực nước có khả năng có 1-2 đợt dao động.

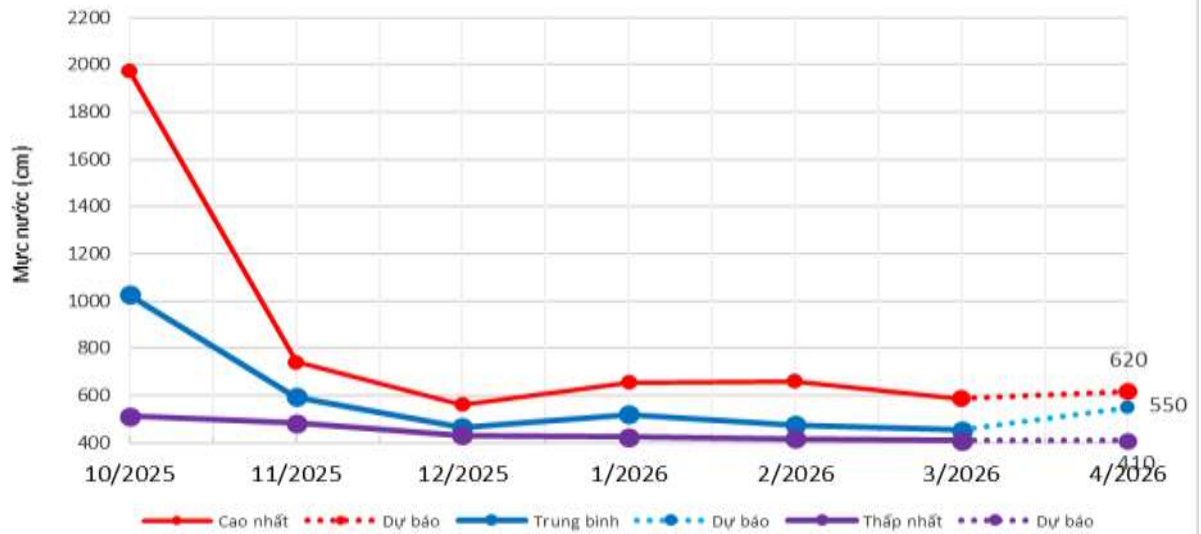
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang sẽ tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

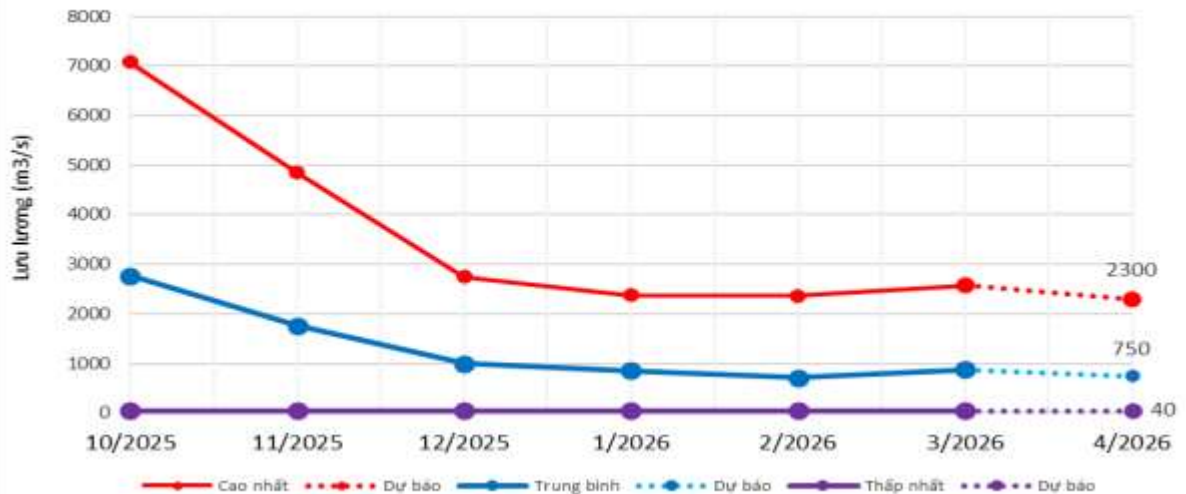
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.



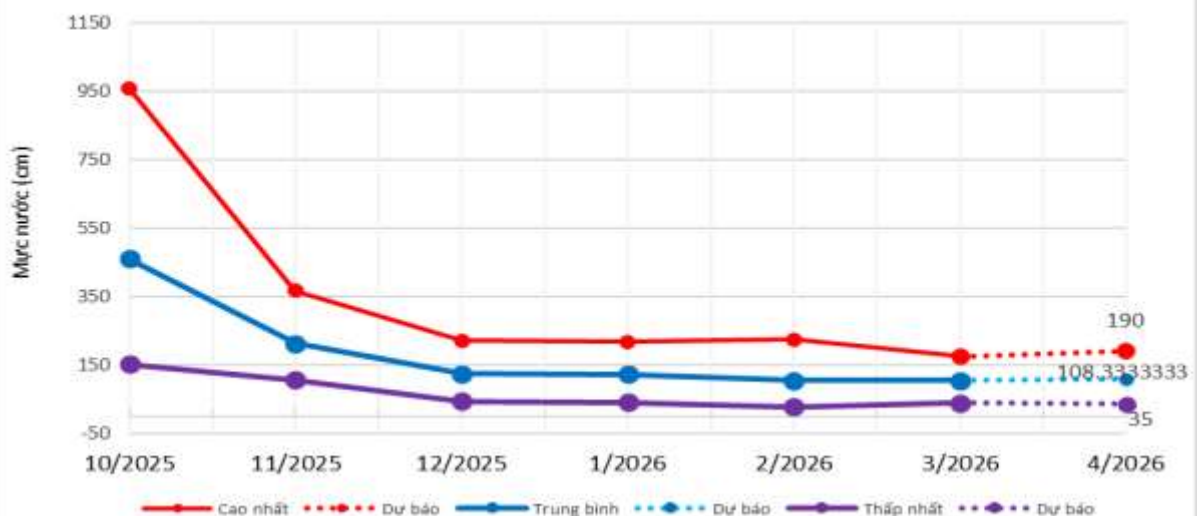
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VŨ QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)



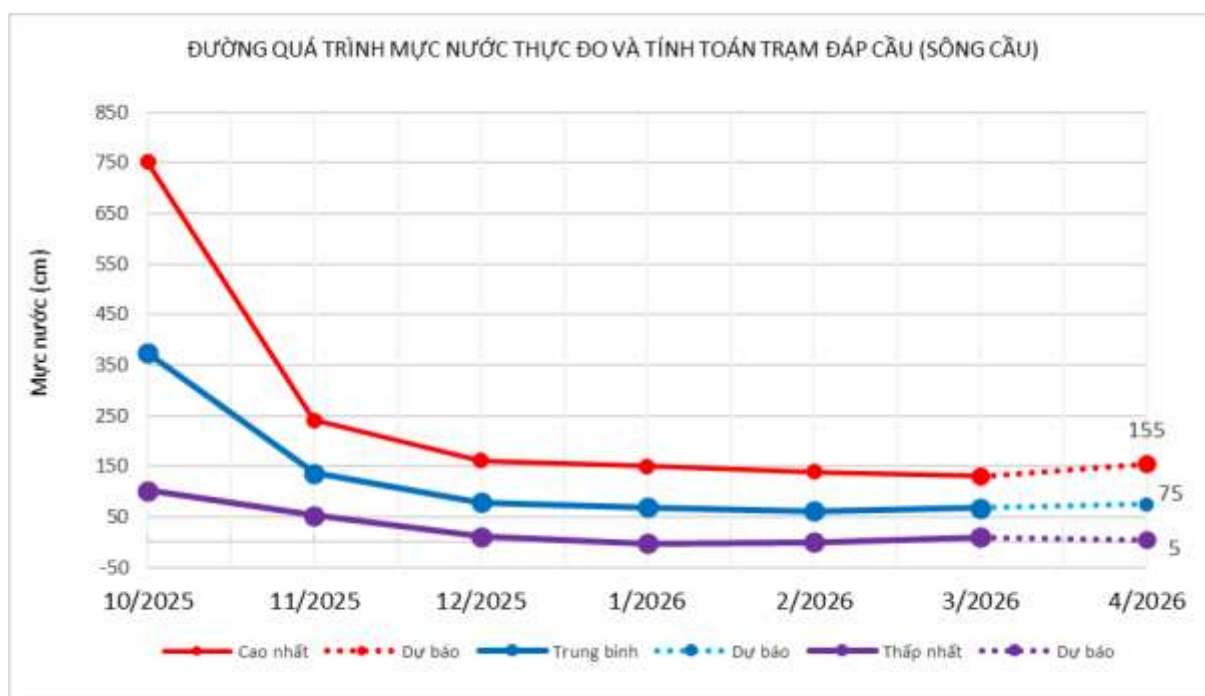
2. Lưu vực sông Thái Bình

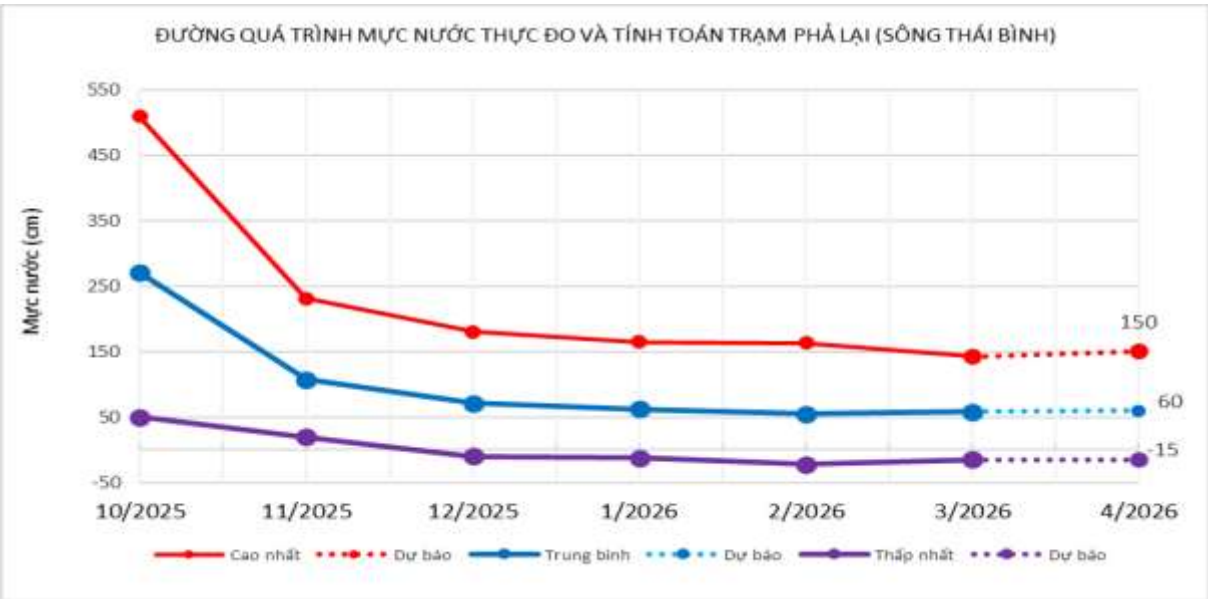
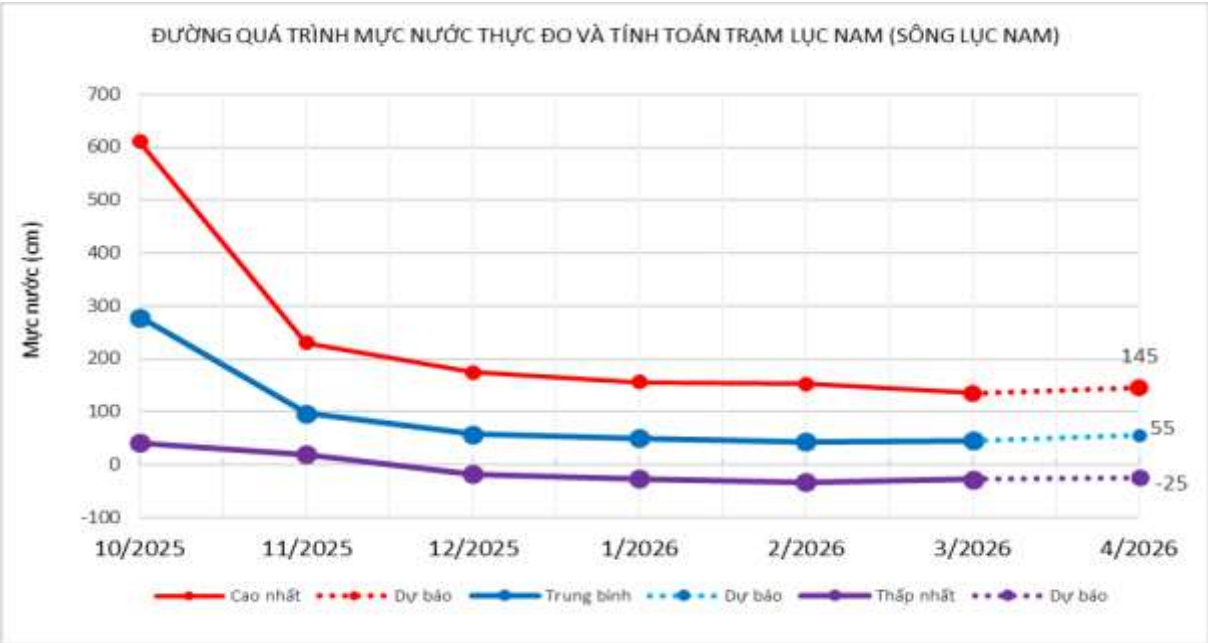
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong tháng 03, mực nước tại các trạm thượng lưu và trung lưu các sông (sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam) thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm. Các trạm phía hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong tháng 04, mực nước tại các trạm thượng lưu và trung lưu các sông trên hệ thống sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm, tại các trạm hạ lưu chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Đặc trưng mực nước dự báo tại các trạm theo từng thời đoạn chi tiết trong bảng phụ lục.





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

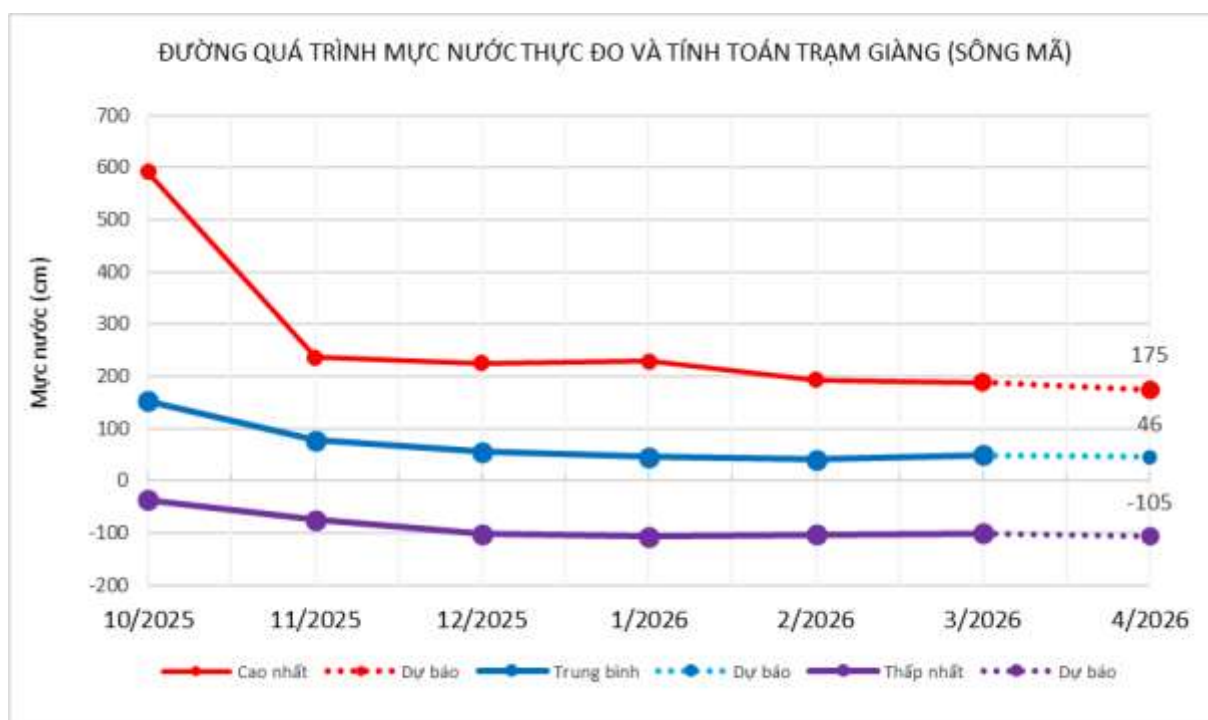
- Trên lưu vực các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 03/2026, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

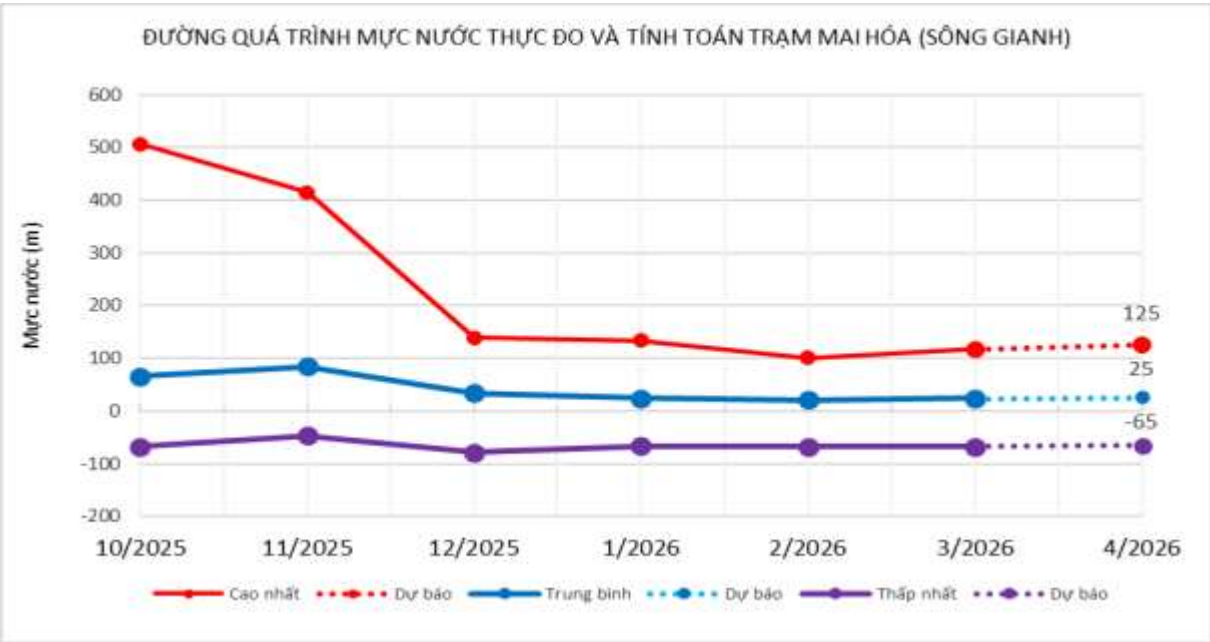
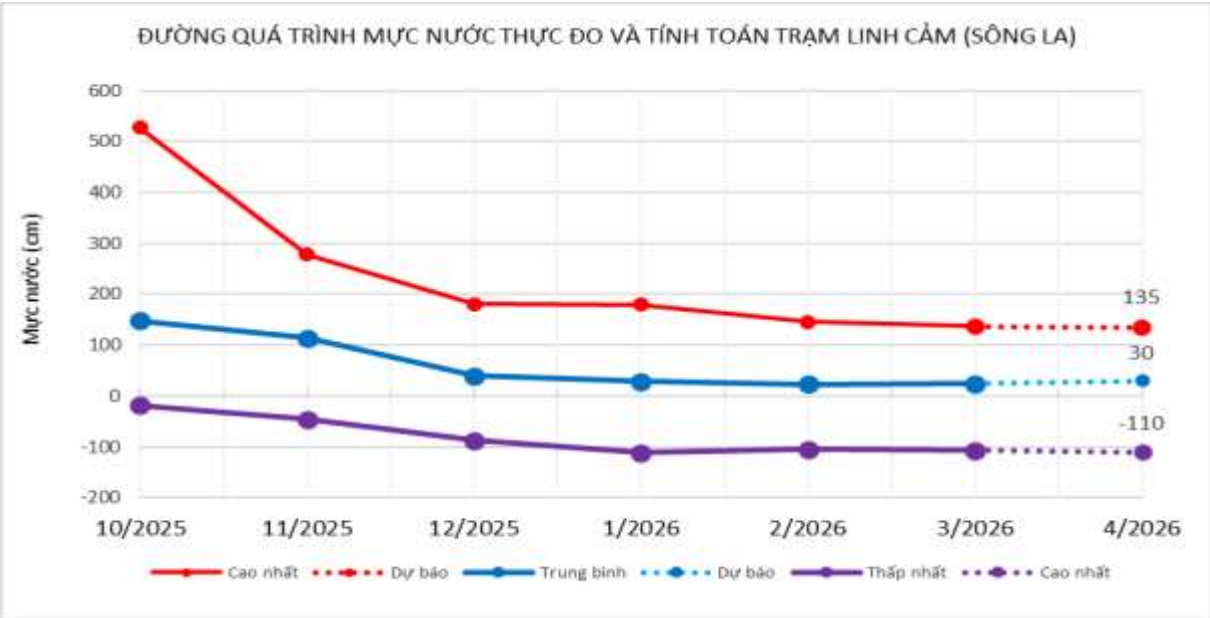
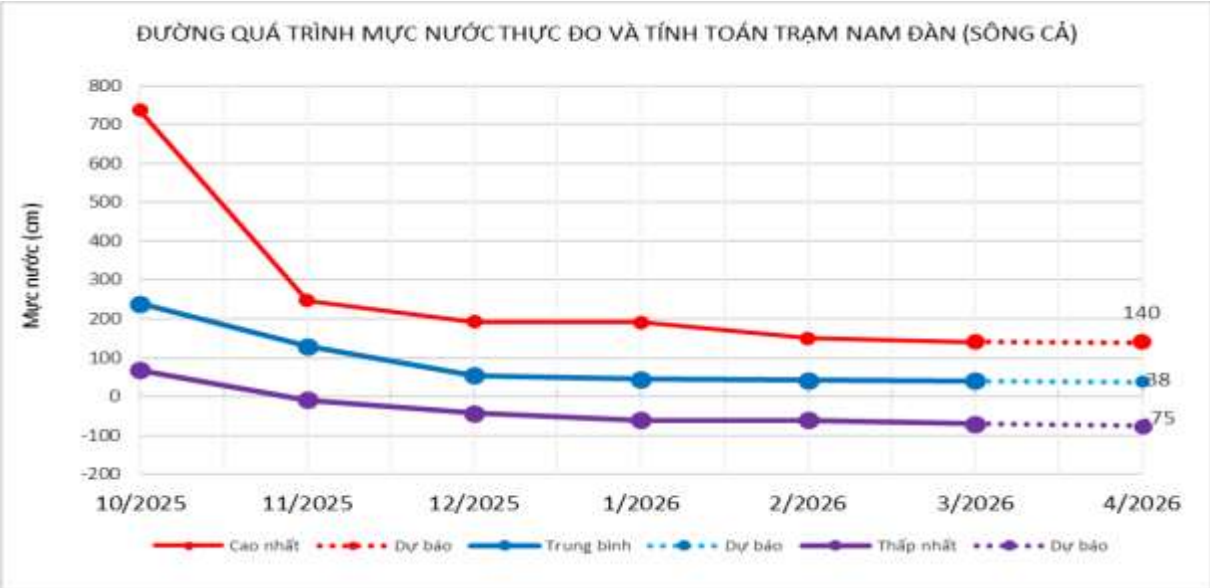
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước ở thượng lưu các sông Quảng Trị biến đổi chậm, ở hạ lưu dao động theo triều; mực nước trên các sông TP. Huế dao động theo điều tiết hồ chứa.

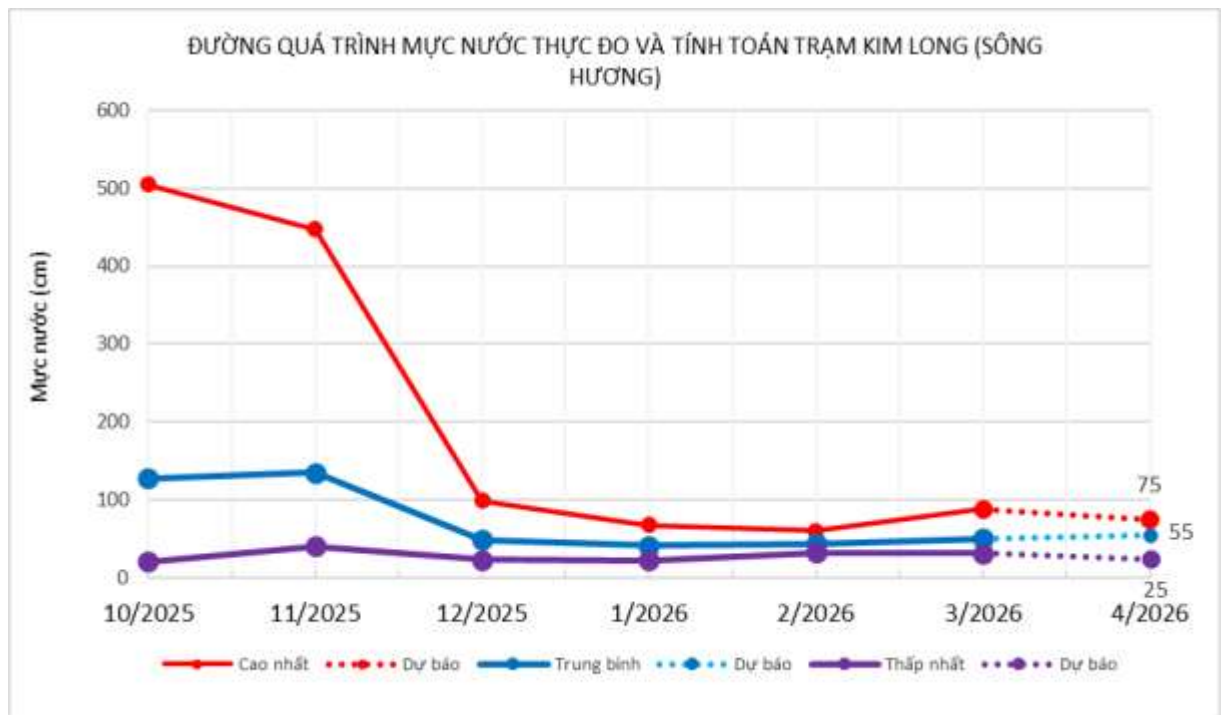
b. Dự báo, cảnh báo

- Trên lưu vực sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 4/2026, mực nước ở thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo thủy triều.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế: Mực nước trên các sông trong tháng 4 tiếp tục biến đổi chậm.







4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

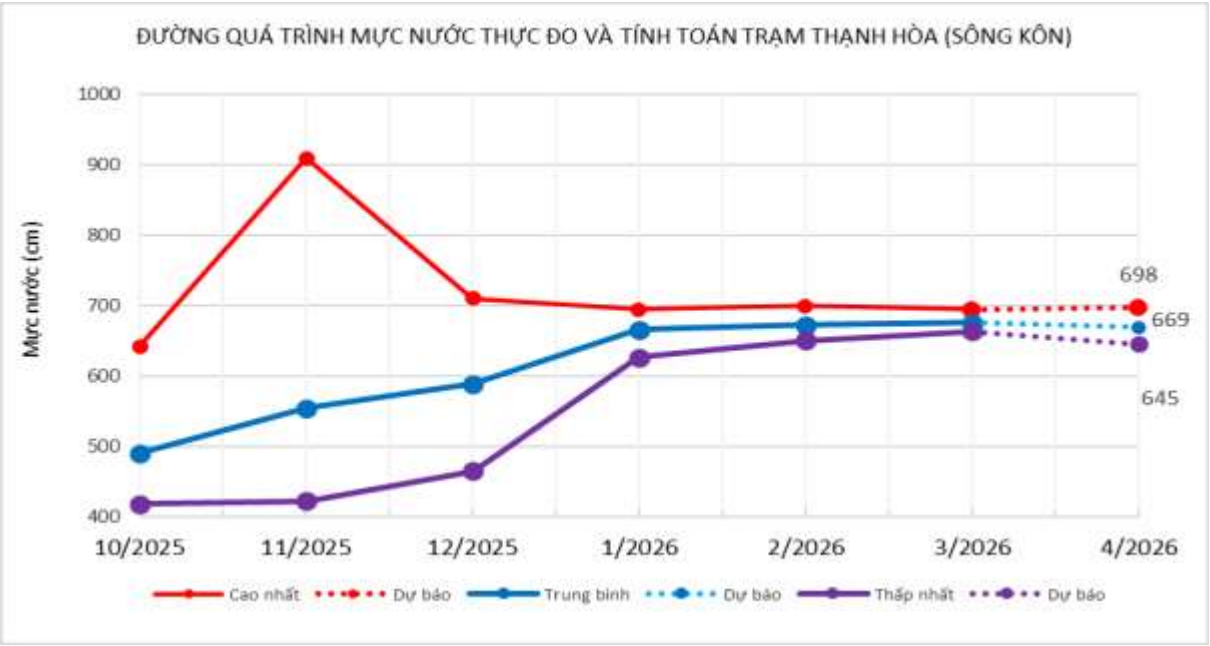
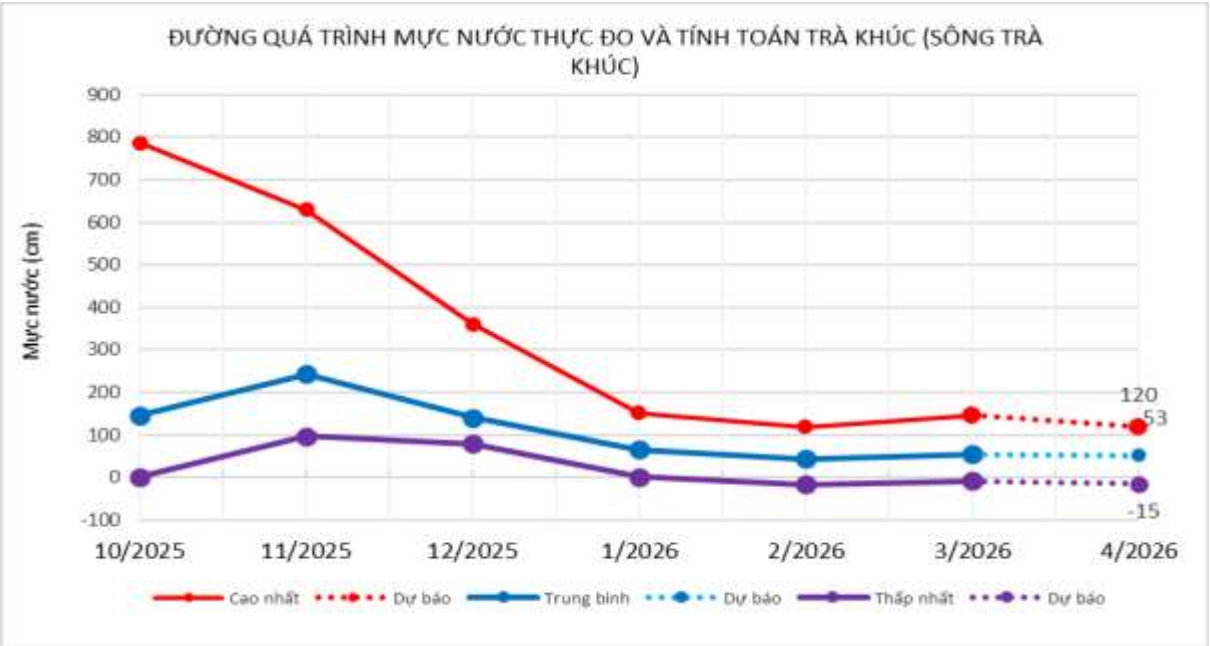
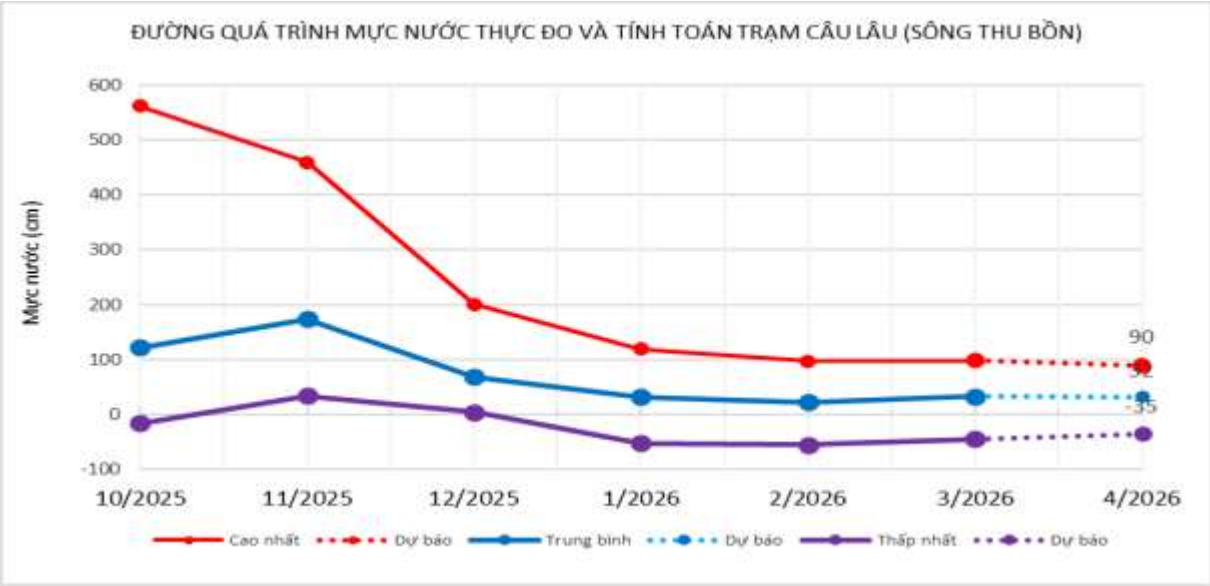
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tháng 03, mực nước trên các sông Tp Đà Nẵng và Quảng Ngãi có dao động.

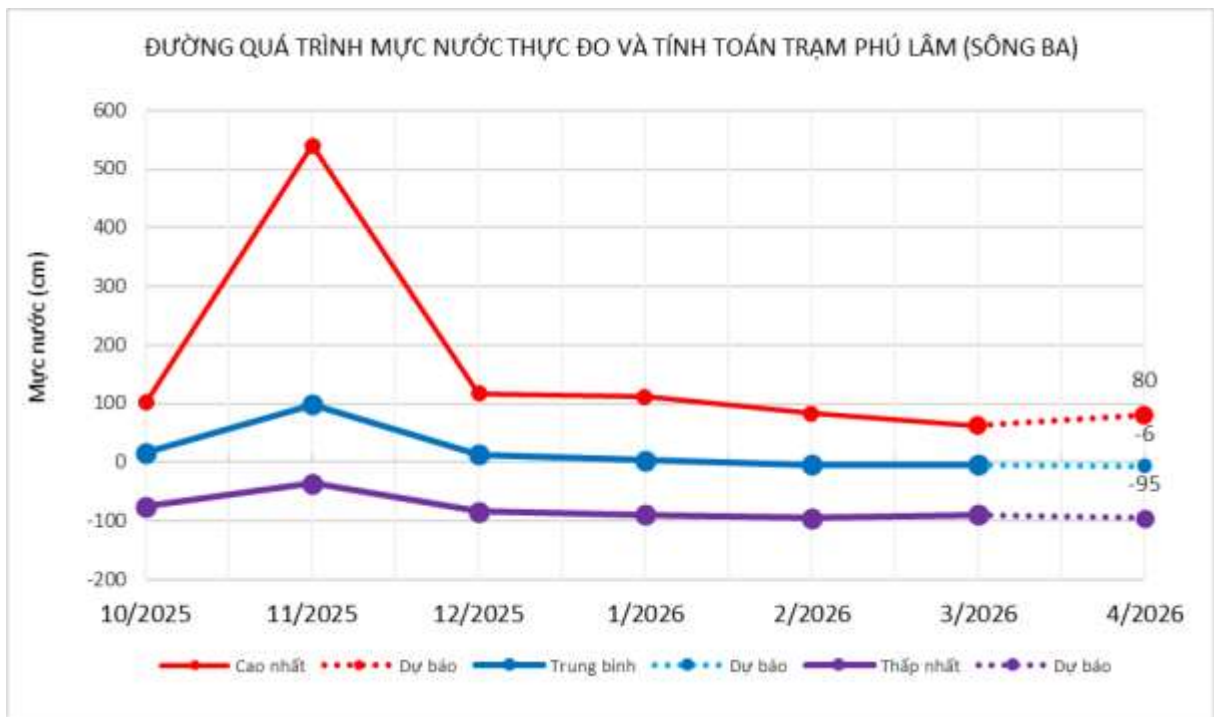
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm và có xuất hiện dao động nhỏ. Hạ lưu sông Kôn tại trạm Thanh Hòa mực nước dao động theo vận hành của đập thủy lợi. Hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 04/2026, mực nước trên các sông biến đổi chậm.

- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm. Hạ lưu sông Kôn tại trạm Thanh Hòa mực nước dao động theo vận hành của đập thủy lợi. Hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.





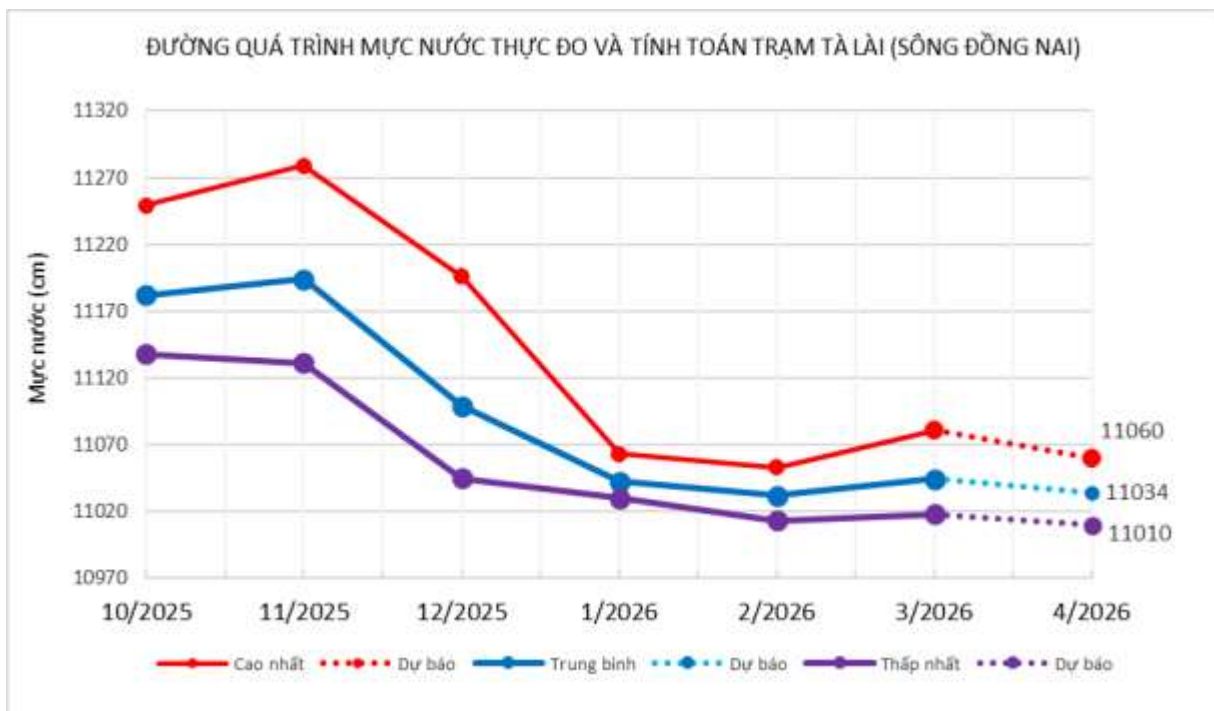
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

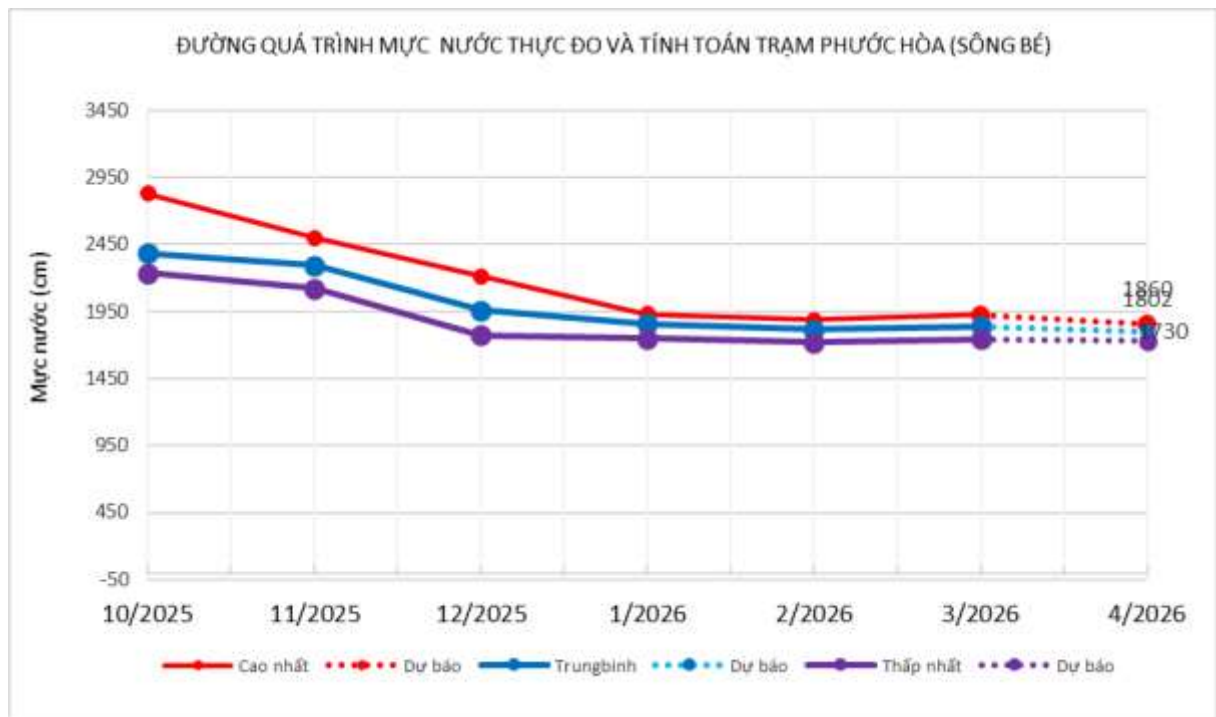
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai và trên sông Bé dao động theo điều tiết vận hành của thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai và sông Bé dao động theo điều tiết vận hành của thủy điện.





6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trên sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 3/2026, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của các hồ thủy điện và các công trình thủy lợi, sông Krông Ana mực nước biến đổi chậm theo xu thế xuống dần.

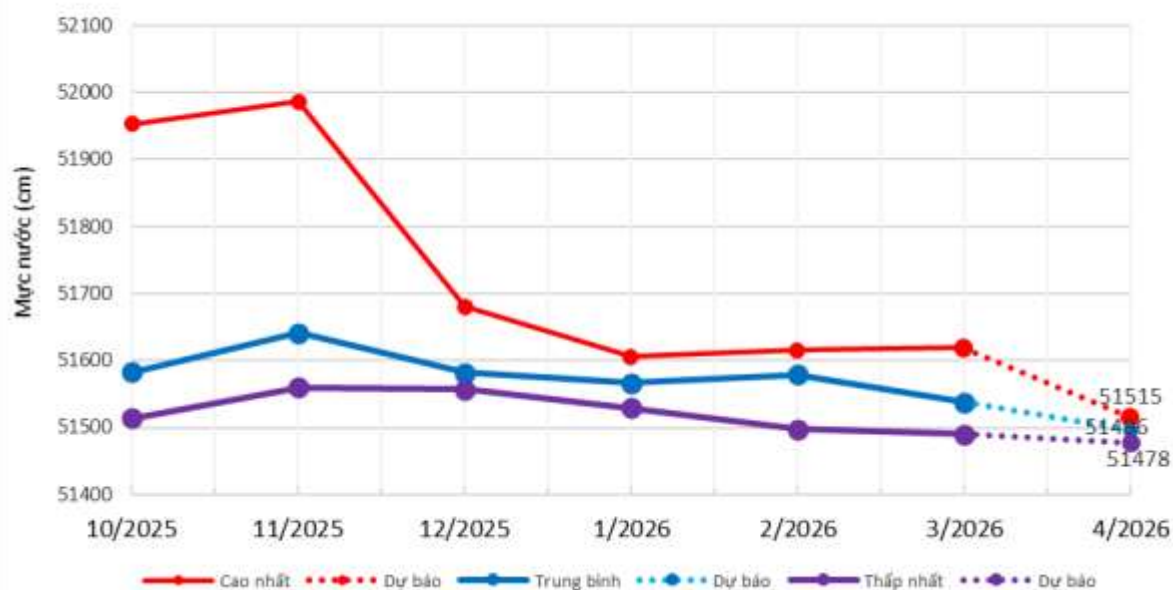
- Trên sông Cửu Long: Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại trạm Tân Châu là 1,53m (ngày 07/3); trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,70m (ngày 07/3).

b. Dự báo, cảnh báo

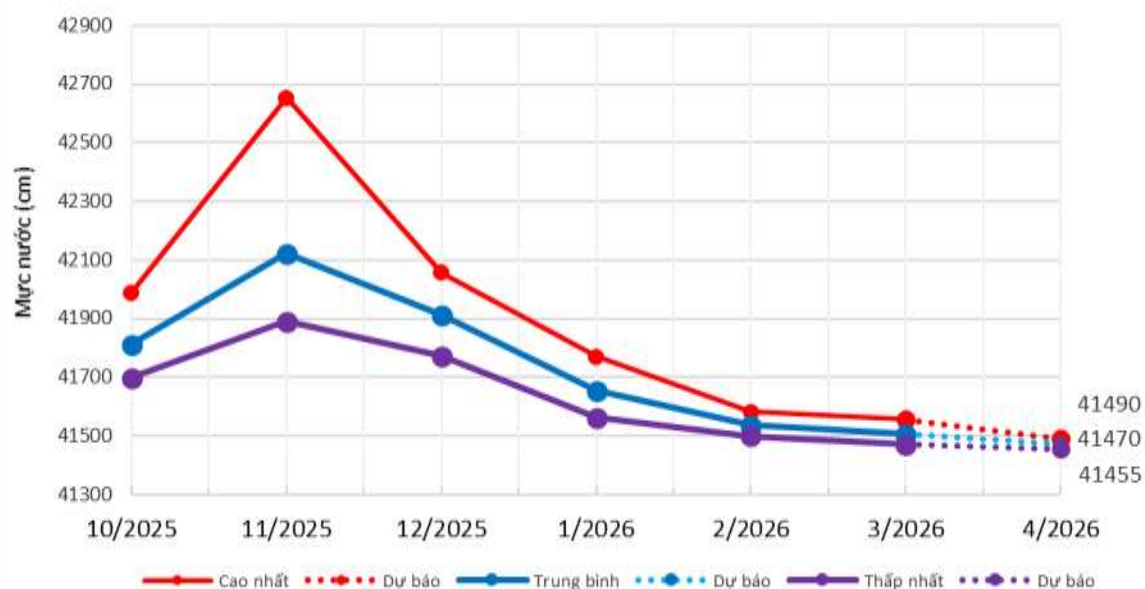
- Trên sông Sê San và Srêpôk: Mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của các hồ thủy điện và các công trình thủy lợi, sông Krông Ana mực nước biến đổi chậm.

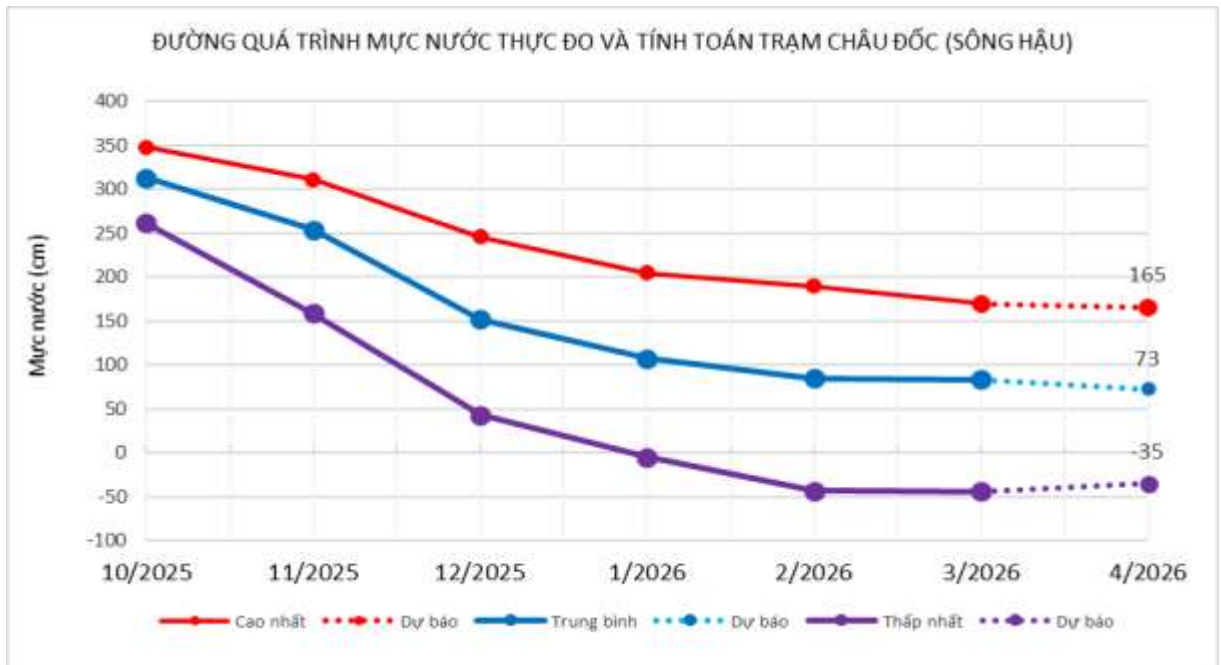
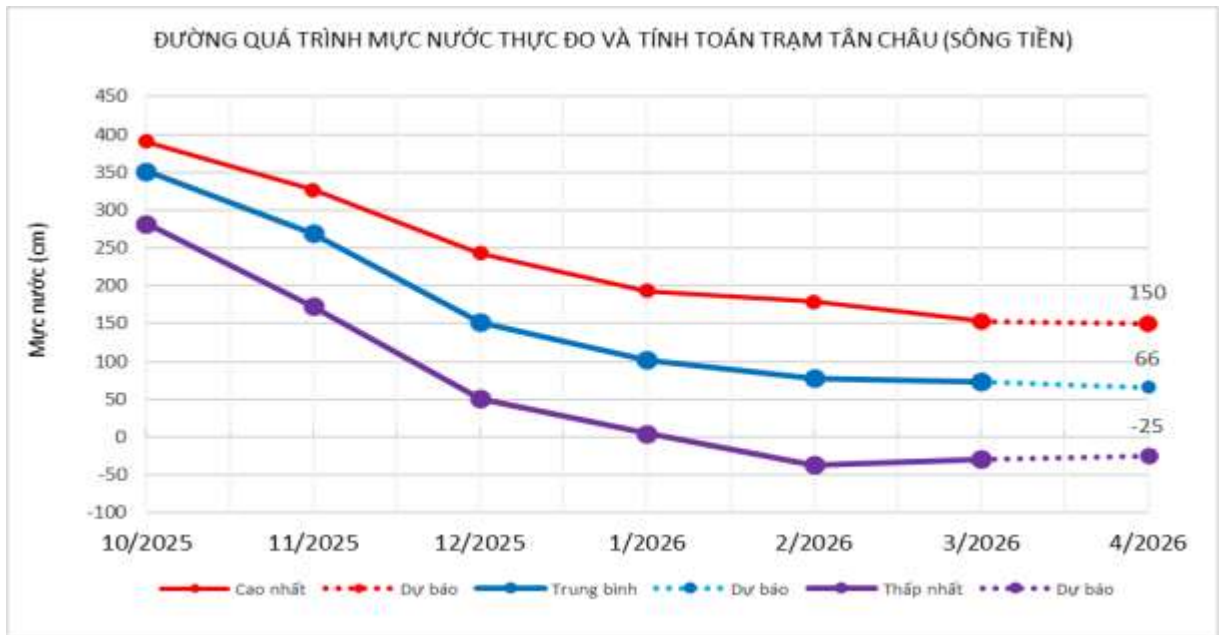
- Trên sông Cửu Long: Mực nước sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại trạm Tân Châu là 1,50m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc là 1,65m.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM KON TUM (SÔNG SÊ SAN)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIANG SƠN (SÔNG SRÊPỐC)





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h ngày 01/05/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: Q (m³/s), H (cm)

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	849	2575	40	780	2300	40	750	2200	40	720	2100	40	750	2300	40
Thao	Yên Bái	2312	2358	2290	2330	2400	2260	2340	2420	2280	2350	2450	2290	2340	2450	2260
Thao	Phú Thọ	1080	1153	1039	1055	1090	1020	1070	1120	1040	1100	1150	1050	1075	1150	1020
Lô	Tuyên Quang	1243	1364	1103	1245	1380	1110	1280	1400	1100	1295	1410	1120	1273	1410	1100
Lô	Vụ Quang	455	586	410	500	600	425	560	610	410	590	620	420	550	620	410
Cầu	Đáp Cầu	69	131	10	70	135	5	75	140	10	80	155	20	75	155	5
Thương	Phủ Lạng Thương	56	137	-16	60	135	-15	65	140	-20	70	150	-5	65	150	-20
Lục Nam	Lục Nam	46	135	-28	50	130	-25	55	135	-25	60	145	-15	55	145	-25
Hồng	Hà Nội	104	174	39	105	175	35	110	180	40	110	190	45	108	190	35
Thái Bình	Phả Lại	57	143	-15	55	140	-15	60	145	-10	65	150	-5	60	150	-15
Mã	Giàng	51	188	-100	44	155	-75	46	175	-105	48	165	-90	46	175	-105
Cả	Nam Đàn	41	141	-70	36	125	-60	38	140	-75	40	135	-55	38	140	-75
La	Linh cảm	25	137	-107	28	130	-90	30	135	-110	32	125	-80	30	135	-110
Giang	Mai Hóa	25	117	-68	20	100	-50	25	112	-60	30	125	-70	25	125	-65
Hương	Kim Long	51	89	32	50	58	36	60	75	25	56	62	30	55	75	25
Thu Bồn	Câu Lâu	34	98	-44	30	72	-30	35	90	-32	32	68	-35	32	90	-35

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Trà Khúc	Trà Khúc	54	146	-9	45	95	-15	60	120	-8	55	110	-5	53	120	-15
Kôn	Thanh Hòa	676	694	663	673	695	650	670	698	655	665	698	645	669	698	645
Đà Rằng	Phú Lâm	-4	62	-89	-10	70	-85	-5	75	-90	-2	80	-95	-6	80	-95
Đăkbla	Kon Tum	51538	51619	51490	51494	51505	51480	51490	51500	51478	51505	51515	51490	51496	51515	51478
Krông Ana	Giang Sơn	41506	41556	41471	41468	41480	41460	41465	41475	41455	41477	41490	41465	41470	41490	41455
Bé	Phước Hòa	1845	1924	1744	1803	1860	1745	1802	1855	1735	1800	1850	1730	1802	1860	1730
Đồng Nai	Tà Lài	11045	11081	11018	11038	11055	11020	11035	11050	11015	11030	11060	11010	11034	11060	11010
Tiền	Tân Châu	75	153	-29	68	150	-20	66	145	-10	65	145	-25	66	150	-25
Hậu	Châu Đốc	81	170	-44	75	165	-30	73	160	-15	72	160	-35	73	165	-35